TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/DS-ST
Ngày: 04 – 8 - 2025
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Hồng

Bà Hồ Thị Út

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Hồng Luyến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Diện, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2025 về "Tranh chấp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1968 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970. (bà M có mặt)

Địa chỉ: Khóm T, phường N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Lâm Thị Anh T1, sinh năm 2000. Có mặt;

Địa chỉ: Ấp L, phường L, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Bà Tô Thị Kim L, sinh năm 1960. Vắng mặt

Ông Nguyễn Thanh X, sinh năm 1956. Có mặt

Địa chỉ: Ấp L, phường L, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lâm Thị Anh T1 trình bày: Bà L, ông X có tham gia hụi do bà M, ông T làm chủ các dây hụi như sau:

Dây hụi thứ nhất: Hụi mở ngày 20/10/2019 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng/tháng, thỏa thuận khui hụi vào ngày 20 và chung hụi ngày 30 hàng tháng, dây hụi có 54 phần tham gia (có danh sách các hụi viên kèm theo), ông X, bà L tham gia 01 phần, đóng được 32 lần đến lần số 33 ông X, bà L hốt hụi với số tiền 85.000.000 đồng, sau đó bà L, ông X đóng lại được 7 lần hụi chết 14.000.000 đồng, còn nợ lại 14 lần hụi chết với số tiền 28.000.000 đồng và 1.000.000 đồng tiền còn thiếu, tổng cộng là 29.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/8/2020 âm lịch, có 52 phần tham gia, bà L, ông X tham gia 01 phần, đóng được 12 lần hụi đến lần khui hụi thứ 13 vào ngày 20/8/2021 thì ông X, bà L hốt hụi 63.000.000 đồng, sau đó vợ chồng ông X, bà Liên tiếp T2 đóng cho bà M được 16 lần với số tiền 32.000.000 đồng đến ngày 20/01/2023 thì ông X, bà L ngưng không đóng hụi chết cho bà M, ông T. Chân hụi này ông X, bà L còn nợ bà M, ông T 23 lần hụi chết với số tiền 46.000.000 đồng.

Bà M, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L, ông X trả số tiền hụi chết là 75.000.000 đồng. Bà M, ông T rút lại yêu cầu tính lãi suất phát sinh 27.500.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh X trình bày: Ông X thừa nhận ông có tham gia 02 dây hụi do bà M và ông T làm chủ như sau:

Dây hụi thứ nhất: Mở ngày 20/10/2019 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, dây hụi có 54 phần tham gia, ông X, bà L tham gia 01 chân, đóng hụi đến lần thứ 32 thì kêu hốt, (được 31 lần hụi chết với số tiền 62.000.000 đồng, hụi sống với số tiền 22.000.000 đồng), tổng số tiền hốt hụi 84.000.000 đồng, trừ 1.000.000 đồng đầu thảo, còn lại số tiền bà M phải chung cho ông X 83.000.000 đồng nhưng bà M, ông T không có chung hụi cho ông X với số tiền 83.000.000 đồng mà bà M trừ qua tiền vay, số tiền ông X vay vào năm 2021 là 15.000.000 đồng và 05 tháng tiền lãi 50.000.000 đồng với tổng số tiền 65.000.000 đồng (việc vay tiền giữa ông X và bà M không có giấy tờ chứng minh), còn lại 18.000.000 đồng bà M, ông T trừ lại phần tiền hụi chết còn lại. Bà M có ghi vô tờ giấy lịch số tiền hốt hụi trừ qua số tiền vay nhưng bà M không có ký tên vào tờ

giấy lịch. Do bà M không có chung hụi cho ông X nên ông X không đồng ý trả phần tiền hụi chết cho bà M.

Dây hụi thứ hai: Mở ngày 10/8/2020 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng/tháng có 52 phần, ông X và bà L tham gia 01 phần, đóng hụi đến lần thứ 14 thì kêu hốt, với số tiền 63.000.000 đồng, sau đó ông X đóng hụi chết đến ngày 10/02/2023 là 40 lần hụi chết thì ngưng đóng và còn nợ lại 12 lần hụi chết với số tiền 24.000.000 đồng và 1.000.000 đồng tiền thiếu thì chân hụi này tôi còn nợ bà M 25.000.000 đồng.

Nay bà M, ông T yêu cầu ông X trả số tiền 75.000.000 đồng thì ông X không đồng ý. Ông X chỉ đồng ý trả cho bà M, ông T số tiền 60.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Tô Thị Kim L cung cấp lời khai như sau: Bà L có tham gia chơi hụi do ông T, bà M làm chủ, hụi 2.000.000 đồng. Hụi mở ngày 20/10/2019, gồm có 54 người chơi, đến lần thứ 32 bà L hốt hụi với số tiền 83.000.000 đồng. Bà M, ông T không chung hụi cho bà L mà trừ qua số tiền mà bà L vay của bà M (vay 15.000.000 đồng, tiền lãi 50.000.000 đồng, tổng cộng 65.000.000 đồng), còn lại 18.000.000 đồng bà M giữ lại để trừ qua phần tiền hụi chết. Chân hụi thứ hai mở ngày 10/8/2020, hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi gồm có 52 người chơi, bà L tham gia 01 chân và hốt hụi vào tháng thứ 13 với số tiền 63.000.000 đồng, sau đó bà L đóng hụi chết đến ngày 10/11/2023, được 40 lần thì ngưng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ, phát biểu quan điểm như sau: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa ông X và M thống nhất nhau về số tiền nợ hui là ông X và bà L còn nợ bà M và ông T số tiền trong 02 dây hụi nói trên là 67.000.000 đồng và 1.000.0000 đồng tiền thiếu là 62.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền hụi, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn Khu V - Cần Thơ. Do đó, đây là "Tranh chấp hợp đồng dân sự - hụi", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Khu vực 12 – Cần Thơ theo

quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Tô Thị Kim L vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Đều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và giành quyền kháng cáo cho bị đơn theo luật định.

[3] Về nội dung:

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lâm Thị Anh T1 xin rút lại yêu cầu đối với phần lãi suất số tiền 27.500.000 đồng. Việc rút lại yêu cầu trên là sự tự nguyện của đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời căn cứ Điều 5, Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút.

[3.2] Xét dây hụi ngày 20/10/2019 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, có 54 phần tham gia. Bị đơn thừa nhận có tham gia 01 chân hụi do nguyên đơn làm chủ trong dây hụi trên. Tuy nhiên số lần đóng hụi cũng như số tiền hốt hụi các đương sự trình bày không thống nhất với nhau.

Nguyên đơn cho rằng ông X, bà L đóng hụi được 32 lần đến lần số 33 ông X, bà L hốt hụi với số tiền 85.000.000 đồng, sau khi hốt hụi bà L, ông X đóng lại được 7 lần hụi chết với số tiền 14.000.000 đồng, còn nợ lại 14 lần hụi chết với số tiền 28.000.000 đồng và 1.000.000 đồng tiền còn thiếu, tổng cộng là 29.000.000 đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 29.000.000 đồng. Bị đơn không thống nhất và cho rằng bị đơn đóng hụi đến lần thứ 32 thì kêu hốt, (được 31 lần hụi chết với số tiền 62.000.000 đồng, hụi sống với số tiền 22.000.000 đồng), tổng số tiền hốt hụi 84.000.000 đồng, trừ 1.000.000 đồng đầu thảo, còn lại số tiền bà M phải chung cho ông X 83.000.000 đồng nhưng bà M, ông T không có chung hụi cho ông X với số tiền 83.000.000 đồng mà bà M trừ qua tiền vay, số tiền ông X vay vào năm 2021 là 15.000.000 đồng và 05 tháng tiền lãi 50.000.000 đồng với tổng số tiền 65.000.000 đồng, còn lại 18.000.000 đồng bà M, ông T trừ lại phần tiền hụi chết còn lại. Do bà M không có chung hụi cho ông X, bà L nên ông X, bà L không đồng ý trả phần tiền hụi chết cho bà M.

[3.3] Xét dây hụi ngày 10/8/2020 âm lịch, hụi 2.000.000 đống/tháng, có 52 phần tham gia, bà M, ông T là chủ hụi, bà L, ông X là hụi viên. Đối với dây hụi này nguyên đơn bà bị đơn thống nhất được số tiền hốt hụi là 63.000.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng bị đơn sau khi hốt hụi đóng lại được 16 lần hụi chết với số tiền 32.000.000 đồng, bà L, ông X còn nợ lại 23 lần hụi chết với số

tiền 46.000.000 đồng. Bị đơn cho rằng sau khi hốt hụi bị đơn đóng hụi chết đến lần thứ 40 và còn nợ lại 12 lần hụi chết với số tiền 24.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà M cho rằng chân hụi ngày 20/10/2019 ông X đã hốt lần thứ 33 được số tiền 85.000.000 đồng, bà có chung tiền cho ông X đầy đủ, sau đó đóng hụi chết lại còn thiếu 14 lần x 2.000.000đ = 28.000.000 đồng; Chân hụi thứ 2 ngày 10/8/2020 (al) ông X hốt lần thứ 13 được số tiền 63.000.000 đồng bà có chung hụi cho ông X đầy đủ, sau đó ông X đóng lại được 16 lần hụi chết thì ngưng đóng và còn thiếu 23 lần hụi chết x 2.000.000đ = 46.000.000 đồng; tổng công công X thiếu 2 chân hụi là 28.000.000đ + 46.000.000đ = 74.000.000 đồng; tại phiên tòa ông X chỉ thừa nhận chân hụi ngày 20/10/2019 ông hốt hụi lần thứ 32 được số tiền 83.000.000đ (số tiền này bà Mai trừ phần tiền ông vay 15.000.000đ và lãi 50.000.000đ, phần tiền còn lại bà M không chung cho ông mà giữ lại để đóng hụi chết cho ông) nên ông xác định chân hụi này ông chỉ còn thiếu 21 lần hụi chết chưa đóng x 2.000.000 đồng = 42.000.000 đồng; còn chân hụi ngày 10/8/2020 (al) ông hốt lần thứ 13 được 63.000.000đ, sau đó ông đóng hụi chết lại và còn thiếu 9 lần hụi chết 9 x 2.000.000đ = 18.000.000 đồng; tổng cộng hai chân hụi ông thừa nhận còn thiếu bà M là 42.000.000đ + 18.000.000đ = 60.000.000 đồng.

Như vậy số tiền chênh lệch giữa nguyên đơn và bị đơn khai còn chênh lệch nhau 14.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay qua động viên phân tích các đương sự tự thỏa thuận thống nhất chia 2 số tiền chênh lệch mỗi bên chịu thiệt một ít, như vậy số tiền mà ông X bà L còn phải trả cho bà M, ông T trong hai dây hụi nói trên là 67.000.000 đồng + 1.000.000 đồng tiền thiếu = 68.000.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do ông X và L trên 60 tuổi có đơn xin miễn giảm án phí nên Hội đồng xét xử miễn giảm án cho ông X và bà L

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, bêu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Văn T khởi kiện bị đơn bà Tô Thị Kim L và ông Nguyễn Thanh X về tranh chấp hợp đồng dân sự - hụi.

[2] Buộc bị đơn bà Tô Thị Kim L và ông Nguyễn Thanh X có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Văn T số tiền 68.000.000 đồng (sáu mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu bị đơn bà Tô Thị Kim L và ông Nguyễn Thanh X trả số tiền lãi 27.500.000 đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Tô Thị Kim L và ông Nguyễn Thanh X.

Bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Văn T được nhận lại tiền tạm ứng án phí theo biên lai số

[5] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Nguyên đơn Phạm Thị M và ông Nguyễn Văn T, bị đơn Nguyễn Thanh X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/9/2024). Bà Tô Thị Kim L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- Các đương sự;
- VKSND KV12;
- Phòng THA KV12;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Đình Tiến